

Bản án số: **153/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 05-3-2021.

*“V/v tranh chấp: Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Văn Tiến.*

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Cờ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 954/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/11/2020 về tranh chấp "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 06/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-HPT ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú và cư trú: ....., xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Có mặt.*

*Bị đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú và cư trú: .....Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội; Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn ly hôn đề ngày 26/6/2020 và các văn bản trình bày tại Tòa, nguyên đơn - Chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và Anh Trần Quang V kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ....., quận Đống Đa, Hà Nội ngày 22/5/2007.

Sau khi kết hôn, anh chị cùng cư trú tại số .....Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn; mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, không chăm sóc nhau.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn.

- Con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Trần Minh Ng (nữ) sinh ngày 02/11/2007; Từ khi sống ly thân đến nay cháu Ng cư trú cùng chị T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không

yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung (động sản và bất động sản): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung, chị T không có yêu cầu nào khác

\* **Bị đơn - Anh Trần Quang V:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V đều vắng mặt, không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

**Tại phiên tòa:**

\* Chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Đơn ly hôn và các văn bản trình bày tại Tòa. Cụ thể:

Tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh V.

Con chung: Chị xác nhận hiện cháu Ng cư trú cùng chị, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con;

Tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị T xác nhận anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Trần Quang V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và Anh Trần Quang V. Anh V cư trú tại phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lê Thị T đối với Anh Trần Quang V. Con chung: Xác nhận chị T và anh V có 01 con chung; Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh V. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xét. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Tổ tụng:** Trước và tại thời điểm thụ lý cho đến nay, anh V cư trú tại phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội. Chị Lê Thị T có đơn xin ly hôn anh V tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V; anh V đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần 2 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

## **2. Nội dung:**

**2.1. Quan hệ hôn nhân:** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T và anh V kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ....., quận Đống Đa, Hà Nội ngày 22/5/2007; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự trong vụ án thấy: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau..., anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, không có sự yêu thương, cảm thông và chia sẻ. Tòa án đã thông báo anh V đến Tòa để tham gia hoà giải theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng anh V đều vắng mặt; Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng song từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, cả anh và chị vẫn sống ly thân, không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng; đây là lần thứ hai chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Tại phiên tòa lần 2 anh V vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh cũng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Anh V không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra ý kiến, quan điểm, không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ để xem xét.

**2.2. Con chung:** Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị T và anh V có 01 con chung là Trần Minh Ng (nữ) sinh ngày 02/11/2007;

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ; Cháu Ng cư trú cùng chị T, cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường; cháu Ng là nữ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị và cũng để tránh xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu. Ý kiến của chị T phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nên chấp nhận. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh V.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2.4. Nợ chung: Chị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh V đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng anh V đều vắng mặt, không thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự; do đó không xét.

Chị Lê Thị T và Anh Trần Quang V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 18, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

#### 1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lê Thị T.

Chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Quang V.

2. **Con chung:** Xác nhận chị T và anh V có 01 con chung là Trần Minh Ng (nữ) sinh ngày 02/11/2007; Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh V cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. **Tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị T không yêu cầu nên không xét.

4. **Nợ chung:** Chị T xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên không xét.

5. **Án phí:** Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015097 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quang V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quản Văn Tiến**